

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 351/ 2017/HNGĐ - ST

Ngày: 13/12/ 2017

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm N1 dân: Bà Trần Thị Trúc mai
Ông Trần Thành Chúng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án N1 dân huyện A.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2017/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 553 /2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim S**, sinh năm: **1986**;

Địa chỉ: tổ 9, ấp MT, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Phan Bá N**, sinh năm: **1986**;

Địa chỉ: Tổ 43, ấp AH, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà S có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà S trình bày:

Bà và ông Phan Bá N kết hôn năm 2004, hôn nhân do cả hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 19/10/2006. Do trong đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cụ thể ông N không chí thú làm ăn mà đam mê cờ bạc, rượu chè, ăn chơi và đánh đập vô cớ bà nhiều lần, từ đó tình cảm trở nên phai nhạt và cả hai không còn sống chung với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Cả hai có 02 con chung tên Phan Bá N1, sinh ngày 18/11/2006 và Phan Khiết N2 sinh ngày 17/11/2011. Hiện cháu N1 đang sống với

cha, còn cháu N2 sống với mẹ. Nay ly hôn bà S có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N2, giao cháu N1 cho ông N nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ông Phan Bá N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà S.

Cháu Phan Bá N1 là con chung của ông N và bà S có ý kiến: Nếu cha mẹ không còn sống chung với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng sống với cha.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên ông, bà chung sống lại nhưng do ông N không đến tham gia hòa giải, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa bà S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bảo lưu ý kiến đã trình bày. Ông N vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Kim S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Bá N. Ông N hiện có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Do bà S và ông N đều vắng mặt, bà S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà S, ông N có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, bà S khai nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông N không quan tâm chăm sóc gia đình, chỉ biết ăn chơi và thường có hành vi đánh đập bà vô cớ, cả hai người hiện đã không còn chung sống từ năm 2012 cho đến nay, không còn liên lạc với nhau. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên hòa giải để ông N có ý kiến đối với các yêu cầu của bà S, tuy nhiên ông không có văn bản trình bày ý kiến của mình và không đến tham gia hòa giải. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa ông, bà không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà S là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi dưỡng con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Cháu Phan Bá N1 có nguyện vọng muốn được sống chung với cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Cháu Phan Khiết N2 hiện đang sống chung với mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân

và gia đình, để đảm bảo cho việc phát triển ổn định của các cháu nên tiếp tục giao cháu N2 cho bà S nuôi dưỡng, ông N được quyền nuôi dưỡng cháu N1. Bà S, ông N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không được cản trở quyền thăm con của nhau.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà S không yêu cầu nên không xem xét.

Việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng là không cố định, có thể thay đổi khi các bên có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trường hợp ông N có yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kim S và ông Phan Bá N được ly hôn.

- Về con chung: bà S được quyền nuôi dưỡng cháu Phan Khiết N2 sinh ngày 17/11/2011, ông N được quyền nuôi dưỡng cháu Phan Bá N1 sinh ngày 18/11/2006. Bà S, ông N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không được cản trở quyền thăm con của nhau.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà S không yêu cầu nên không xem xét.

Vì sự phát triển của con, theo yêu cầu của các bên hoặc của cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do bà S không yêu cầu.

- Về án phí: Bà S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010861 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà S đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THA H. AP;
- Các đương sự;.
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Bảo